

Bản án số: 07/2024/DSST

Ngày 18/6/2024

V/v Tranh chấp

Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt D

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy H

2. Ông Nguyễn Việt T

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Cẩm V - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Ông Phạm T – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1939;

Địa chỉ: Khu M, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Địch C, sinh năm 1974;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Hoàng Thị Thúy H, sinh năm 1979

Đều ở tại: Khu M, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Địch C trình bày: Tôi có quan hệ là anh em họ hàng với anh Nguyễn Địch C, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu M, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 01/4/2022, anh C đến nhà ông hỏi vay số tiền là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn), hai bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất vay là 3%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Anh C viết giấy biên nhận vay tiền, ông có ghi xác nhận lại và ký tên. Ông viết là chỉ cho vay 6 tháng đến ngày 01/10/2022

nhưng do anh C đã lỡ viết thời hạn vay là 01 năm nên ông cũng đồng ý. Sau đó, anh C trả lãi đều cho ông đến tháng 02/2023 thì không trả nữa. Sau đó ông và anh C có lập một bản cam kết ngày 14/4/2023 để thỏa thuận anh C phải trả cho ông số tiền lãi 3%/tháng đối với số tiền gốc 120.000.000đồng và thỏa thuận đến 01/5/2023 anh trả cho ông 20.000.000đồng còn lại 100.000.000đồng thì đến tháng 10/2023 anh C phải trả cho ông. Nhưng đến thời hạn trả tiền anh C không trả cho ông nên ông đã khởi kiện ra Tòa án. Sau đó đến ngày 31/5/2023, anh C đã trả cho ông số tiền 20.000.000đồng. Nay ông xác định anh C còn nợ ông số tiền là 100.000.000đồng, đây là nợ chung của vợ chồng anh C vì anh C vay ông số tiền trên về để làm nhà.

Ông thừa nhận khi vay tiền anh C có thể chấp cho ông Hợp đồng thuê đất số 01HĐ/UB ngày 14/3/2012. Ông sẽ trả lại giấy tờ cho anh C sau khi anh C trả hết khoản vay và lãi suất.

Về lãi suất cho vay giữa ông với anh Nguyễn Đình C theo thỏa thuận miệng lãi suất vay là 3%/tháng. Tuy nhiên việc thỏa thuận này là không phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy ông chỉ đề nghị anh C – chị H phải trả tiền lãi cho ông là 1%/tháng, cụ thể như sau:

Đối với khoản tiền vay 120.000.000đồng, anh C trả lãi đều cho tôi đến tháng 02/2023 thì không trả nữa. Do vậy ông yêu cầu anh C phải trả cho ông số tiền lãi 1%/tháng đối với số tiền gốc 120.000.000đồng đến ngày 30/5/2023 là 2.400.000đồng.

Đến ngày 31/5/2023, anh C đã trả cho tôi số tiền 20.000.000đồng. Nay tôi xác định anh C còn nợ tôi số tiền là 100.000.000đồng, đây là nợ chung của vợ chồng anh C vì anh C vay tôi số tiền trên về để làm nhà. Nay tôi đề nghị anh C và vợ là chị Hoàng Thị Thúy H phải trả cho tôi số tiền gốc 100.000.000đồng và tiền lãi từ 01/6/2023 đến khi trả hết khoản vay, lãi suất là 1%/tháng đến khi trả xong khoản nợ.

***Bị đơn là anh Nguyễn Đình C vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày:**

Anh xác nhận có vay của ông B nhiều lần nên đến ngày 01/4/2022 anh và ông B thông nhất viết giấy biên nhận vay tiền số tiền 120.000.000đồng. Mục đích anh vay số tiền trên là để về lấy tiền làm nhà, khi vay anh có thể chấp các giấy tờ đất quán nhà anh cho ông B, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất tự thỏa thuận miệng không ghi vào giấy vay tiền. Đến hạn trả nợ anh không trả được tiền cho ông B. Giấy biên nhận vay tiền này là một mình anh viết và một mình anh cầm tiền, nhưng anh xác nhận đây là nợ chung của vợ chồng anh vì vay để làm nhà, sau khi vay 02 tháng thì vợ anh là chị Hoàng Thị Thúy H, sinh năm 1979, địa chỉ: Khu M, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ do bị ông B chửi nên vợ anh mới biết.

Đến hạn trả nợ do khó khăn nên anh chưa trả được tiền cho ông B nên ngày 14/4/2023 anh và ông B có lập 01 bản cam kết, nội dung thỏa thuận đến ngày 01/5/2023 anh trả cho ông B số tiền 20.000.000đồng, còn 100.000.000đồng đến tháng 10/2023 anh sẽ trả số tiền trên cho ông B và lấy giấy tờ đất quán về. Tuy nhiên đến thời hạn cam kết là ngày 01/5/2023 anh vẫn không trả được số tiền trên

cho ông B nên ông B khởi kiện anh ra tòa. Đến ngày 31/5/2023, anh đã trả cho ông B số tiền 20.000.000đồng. tôi xác nhận đến nay còn nợ ông B số tiền gốc là 100.000.000đồng.

Nay quan điểm của anh như sau: Anh xác nhận số tiền nợ 100.000.000đồng của ông B là nợ chung của vợ chồng anh, anh nhất trí trả cho ông B số tiền nợ trên nhưng do còn khó khăn không có tiền trả ngay nên anh đề nghị đến tháng 07/2024 anh sẽ trả số tiền nợ trên cho ông B. Còn tiền lãi anh không nhất trí trả lãi suất là 3%/tháng như trong bản cam kết mà anh nhất trí trả tiền lãi cho ông B theo lãi suất ngân hàng quy định. Còn đối với giấy tờ đất quán anh thế chấp cho ông B anh đề nghị ông B trả lại cho vợ chồng anh.

Ngoài ra, anh không yêu cầu đề nghị gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án B gọi chị Hoàng Thị Thúy H nhiều lần nhưng chị H không đến làm việc; Tòa án tiến hành làm việc với chị H tại nhà chị H để chị H trình bày lời khai nhưng anh C không cho chị H trình bày, do vậy Tòa án không biết được ý kiến của chị H. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ là bản tự khai chị H có trong hồ vụ án dân sự thụ lý số 75/2023/DSST ngày 30/5/2023. Theo đó chị H đã có quan điểm trình bày: Nhất trí với lời trình bày của anh C, chị không bổ sung gì thêm. Chị xác định vợ chồng chị còn nợ ông B số tiền gốc là 100.000.000đồng, còn lãi xuất thì chị chỉ nhất trí với lãi xuất theo quy định của Ngân hàng như lời trình bày của anh C.

* Tại phiên toà Kiểm sát viên có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H vắng mặt tại tòa lần thứ hai không có lý do là vi phạm Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 1, 5 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B. Buộc bị đơn anh Nguyễn Địch C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Thúy H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử là ngày 18/6/2024 số tiền 12.561.000đồng.

Buộc anh Nguyễn Địch C và chị Hoàng Thị Thúy H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền nợ lãi của số tiền gốc 120.000.000đồng từ tháng 3/2023 đến ngày 30/5/2023 là 2.400.000đồng.

Tổng cộng buộc anh Nguyễn Dịch C và chị Hoàng Thị Thúy H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền 114.961.000đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn B trả lại cho anh Nguyễn Dịch C 01 bản chính hợp đồng thuê đất số 01 HĐ/UB ngày 14/3/2012 gồm 03 trang.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của ông C được chấp nhận nên anh C và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn B và bị đơn anh Nguyễn Dịch C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Thúy H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu M, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Anh C, chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử đối với vụ án là đảm bảo căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B đề nghị bị đơn anh Nguyễn Dịch C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Thúy H phải trả số tiền nợ ông Nguyễn Văn B số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử là ngày 18/6/2024 số tiền 12.561.000đồng; số tiền nợ lãi của số tiền gốc 120.000.000đồng từ tháng 3/2023 đến ngày 30/5/2023 là 2.400.000đồng. Tổng cộng là 114.961.000đồng, thấy rằng:

Tại bản tự khai, quá trình thu thập tài liệu chứng cứ ông B, anh C và chị H đều thừa nhận việc anh C vay tiền của ông B là có thật, việc vay nợ mặc dù chỉ có anh C viết giấy nhận tiền, tự mình cầm tiền anh C cũng trình bày anh vay sử dụng cho mục đích chung của gia đình là xây nhà. Khi vay vợ anh C không biết, sau đó do ông C đòi nợ nhiều lần nên chị H mới biết việc vay tiền này. Chị H cũng thừa nhận là việc vay tiền của anh C để phục vụ mục đích chung của gia đình nên chị H phải có trách nhiệm trả nợ cùng anh C cho ông B nên ông B khởi kiện yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh C và chị H có nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

Về số tiền nợ gốc: Theo giấy vay tiền ngày 01 tháng 4 năm 2022 số tiền ghi là 120.000.000đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), tuy nhiên đến ngày 31/5/2023, anh C đã trả cho ông B số tiền 20.000.000đồng tiền gốc, còn nợ ông B số tiền gốc là 100.000.000đồng. Do vậy ông B yêu cầu anh C và chị H phải trả số tiền 100.000.000đồng là có căn cứ.

Anh C đưa ra lý do hện đến tháng 7/2024 trả tiền cho ông B là do anh hiện tại có khó khăn về kinh tế không có đủ tiền để trả cho ông B và không được ông B đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với số tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, ông B, anh C và chị H đều trình bày các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 3%/tháng. Anh C không nhất trí lãi suất

nếu trong bản cam kết mà anh nhất trí trả tiền lãi cho ông B theo lãi suất ngân hàng quy định, Quá trình giải quyết vụ án ông C cũng nhất trí việc lãi xuất vay là 1%/tháng. Việc tự nguyện của ông B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông C, có lợi cho anh C, chị H, phù hợp với quy định nên cần được chấp nhận.

Thời hạn vay từ ngày 01/4/2022, được xác định là thời điểm được tính lãi suất. Quá trình vay anh C đã trả được 20.000.000đồng vào ngày 31/5/2023. Tuy nhiên trước đó anh C chỉ trả lãi của khoản tiền 120.000.000đồng đến hết tháng 02/2023, nay ông yêu cầu anh C và chị H phải trả tiền lãi đến ngày 30/5/2023 là 2.400.000đồng.

Đối với khoản tiền gốc 100.000.000 đồng, tính đến ngày xét xử xử thẩm 18/6/2024 là 12 tháng 17 ngày: $100.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 12 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 12.561.000 \text{ đồng}$. Như vậy tổng cả gốc và lãi là 114.961.000đồng.

- Đối với việc khi vay tiền anh C có thể chấp cho ông B Hợp đồng thuê đất số 01HĐ/UB ngày 14/3/2012 gồm 03 trang (bản chính). Việc thế chấp này là nhằm bảo đảm cho việc vay tiền, nhưng các bên không thực hiện thủ tục đăng ký bảo đảm theo quy định của pháp luật về đất đai. Do vậy cần hoàn trả những gì mà các bên đã nhận. Nên ông B phải trả lại cho Hợp đồng thuê đất số 01HĐ/UB cho anh C là phù hợp.

[3]. Về án phí:

Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn B được chấp nhận, nên anh Nguyễn Địch C và chị Hoàng Thị Thúy H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 1, 5 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B. Buộc bị đơn anh Nguyễn Địch C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Thúy H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử là ngày 18/6/2024 số tiền 12.561.000đồng.

Buộc anh Nguyễn Địch C và chị Hoàng Thị Thúy H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền nợ lãi của số tiền gốc 120.000.000đồng từ tháng 3/2023 đến ngày 30/5/2023 là 2.400.000đồng.

Tổng cộng buộc anh Nguyễn Địch C và chị Hoàng Thị Thúy H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền 114.961.000đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn B trả lại cho anh Nguyễn Địch C 01 bản chính hợp đồng thuê đất số 01 HĐ/UB ngày 14/3/2012 gồm 03 trang.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Về án phí:* Buộc anh Nguyễn Địch C và chị Hoàng Thị Thúy H phải nộp 5.748.000đồng (Năm triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Cẩm Khê;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Việt Dũng